

Bản án số: 62/2024/HNGĐ-ST
Ngày 26-9-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Thu Lan

2. Bà Ngô Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên tham gia phiên tòa: Ông Ngô Chí Cường- Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2024/TLST-HNGĐ ngày 01-7-2024 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26-8-2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10/9/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Ngô Thái H, sinh năm 1985. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố số A, thị trấn M, huyện V, tỉnh Yên Bái.

2. *Bị đơn:* Chị Dương Thị L, sinh năm 1987. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố số A, thị trấn M, huyện V, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01-7-2024, bản tự khai, nguyên đơn anh Ngô Thái H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Thái H và chị Dương Thị L1 được tự do tìm hiểu kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 04/3/2026. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Năm 2017 chị L1 đưa con về nhà ông, bà ngoại sinh sống. Sau đó, anh H đã xuống đón con về và nuôi từ đó cho đến nay. Từ năm 2017 vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau.

Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án nhân dân huyện Văn Yên giải quyết cho anh được ly hôn chị L1.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Ngô Hoàng Phát sinh ngày 20/02/2017. Hiện nay đang do anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn, anh H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu P, không yêu cầu chị L1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái đã nhiều lần báo gọi, thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải; trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho chị **Dương Thị L1** nhưng chị **L1** không có mặt theo yêu cầu của Tòa án.

Tại biên bản xác minh ngày 26 tháng 7 năm 2024 (bút lục số 24) ông **Triệu Trung D**, tổ trưởng tổ dân phố số A, thị trấn M, huyện V, cho biết: Anh **H** và chị **L1** có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện V, tỉnh Yên Bái. Hiện nay anh **H** và cháu **P** vẫn sinh sống tại địa phương. Chị **L1** vẫn đăng ký hộ khẩu tại tổ dân phố số A, thị trấn M, huyện V nhưng chị **L1** thường xuyên vắng nhà, đi đâu, làm gì thì địa phương không nắm được.

Do chị **L1** không có mặt theo thông báo của Tòa án, nên trong hồ sơ vụ án không có lời khai của chị **L1**, đồng thời nguyên đơn anh **Ngô Thái H** có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Ngô Thái H**; Xử cho anh **Ngô Thái H** được ly hôn chị **Dương Thị L1**, giao con là Ngô Hoàng Phát sinh ngày 20/02/2017 cho anh **H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi, chị **L1** không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, nợ chung: Anh **H** không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội anh **H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị **Dương Thị L1** có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố số A, thị trấn M, huyện V, tỉnh Yên Bái. Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Nguyên đơn anh **Ngô Thái H** có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị **Dương Thị L** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh **Ngô Thái H** và chị **Dương Thị Liên kết H1** trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 04/3/2016 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Theo anh **H** trình bày: Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Năm 2017 chị **L** đưa con về nhà ông, bà ngoại sinh sống. Sau đó, anh **H** đã xuống đón con về và nuôi từ đó cho đến nay. Từ năm 2017 vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Anh **Ngô Thái H** có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải, đồng thời Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái đã thông báo nhiều lần nhưng chị **L** không đến Tòa, không có bản khai, như vậy chị **L** đã tự từ bỏ quyền lợi và cơ hội hàn gắn cuộc sống vợ chồng. Điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa anh **H** và chị **L** thực sự trầm trọng, đời sống chung thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có căn cứ cho anh **H** được ly hôn chị **L** theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Anh **Ngô Thái H** và chị **Dương Thi L1** có 01 con chung là Ngô Hoàng Phát sinh ngày 20/02/2017. Hiện nay đang do anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn, anh **H** có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **P**, không yêu cầu chị **L1** phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng để đảm bảo sự ổn định về cuộc sống và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con và phù hợp với nguyện vọng của cháu **P** cần giao con là **Ngô Hoàng P** cho anh **H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Xét thấy chị **L1** vắng mặt tại Tòa án, anh **H** cũng không yêu cầu chị **L1** phải cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh **Ngô Thái H** không yêu cầu Tòa án giải quyết, mặt khác do chị **L1** chưa có lời khai nên chưa có cơ sở xem xét. Vì vậy, Tòa án không đặt ra giải quyết quan hệ về tài sản chung và nợ chung.

[5] *Về án phí*: Anh **Ngô Thái H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh **Ngô Thái H** được ly hôn chị **Dương Thi L1**.
2. Về con chung: Giao con là Ngô Hoàng Phát sinh ngày 20/02/2017 cho anh **Ngô Thái H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có

sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Chị **Dương Thi L1** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh **Ngô Thái H** phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn được khấu trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2024/0000065 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái ngày 01-7-2024 (xác nhận anh **H** đã nộp đủ).

4. Quyền kháng cáo: Anh **Ngô Thái H** và chị **Dương Thi L1** được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- UBND thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; HCTP.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Mai Thị Thu Hương